

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHU CÔNG NGHIỆP
DẦU KHÍ LONG SƠN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024**



MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 36

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHU CÔNG NGHIỆP DẦU KHÍ LONG SON

Lầu 3, tòa nhà Khang Thông, 67 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư KCN Dầu khí IDICO Long Sơn được thành lập và hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 4903000409 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 09/8/2007.

Ngày 25/7/2011 Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500811001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/7/2011.

Ngày 20/6/2019, Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500811001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 8 ngày 20/6/2019.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500811001 thay đổi lần thứ 8 ngày 20/6/2019 là 827.222.120.000 VND. (Bằng chữ: Tám trăm hai mươi bảy tỷ, hai trăm hai mươi hai triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LONG SON PETROLEUM INDUSTRIAL ZONE INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: LONG SON PIC.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang giao dịch trên sàn UpCOM (tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội). Mã cổ phiếu: PXL.

Trụ sở chính của Công ty tại Lầu 3, Tòa nhà Khang Thông, Số 67 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong suốt kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Bá Thọ	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hồng Hải	Thành viên
Ông Lê Công Trung	Thành viên
Ông Bùi Lê Cao Kế	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Lê Anh Đức	Trưởng ban
Ông Lê Huy	Thành viên
Bà Phạm Thị Huyền Anh	Thành viên

Tổng Giám đốc

Ông Lê Công Trung	Tổng Giám đốc
-------------------	---------------

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHU CÔNG NGHIỆP DẦU KHÍ LONG SƠN

Lầu 3, tòa nhà Khang Thông, 67 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính giữa niên độ để Báo cáo tài chính giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Công ty



Lê Công Trung
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2024

Số: 183/2024/BCSX-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn

Chúng tôi thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn được lập ngày 12/8/2024, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/6/2024, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Như trình bày tại thuyết minh số 5.5 Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ, tại ngày 30/6/2024, Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi đối với các khoản phải thu khác với số tiền là 92.579.546.769 VND. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp về tính hiện hữu và đánh giá của Tổng Giám đốc Công ty về khả năng thu hồi của các khoản công nợ trên tại ngày 30/6/2024. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Công ty đã điều chỉnh hồi tố Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 về việc điều chỉnh giảm doanh thu hoạt động tài chính tương ứng với khoản lãi thoái vốn đầu tư vào dự án Khu nhà ở thương mại Trương Bình Hiệp theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 174/2010/HĐHTĐT ngày 28/9/2010 với số tiền 9.765.000.000 VND là chưa phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 29 - Thay đổi chính sách kế toán, ước tính và các sai sót. Việc điều chỉnh hồi tố xuất phát từ Quyết định của Tổng Giám đốc ở các năm tài chính trước và đã dẫn đến việc chúng tôi phải đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính của năm tài chính đó. Theo đó, khoản mục “Phải thu ngắn hạn khác” và khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/6/2024 đang được trình bày thấp hơn số tiền 9.765.000.000 VND.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2024, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 5.5 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ. Khoản công nợ phải thu từ chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Xi măng Dầu Khí 12.9 (nay là Công ty Cổ phần Xi măng Sông Lam 2) được thanh toán thông qua Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí (Petrocons). Khoản công nợ này sẽ được thu hồi trong vòng 15 năm không tính lãi và giải ngân trực tiếp vào tài khoản của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí (Petrocons) để Công ty thu hồi công nợ theo từng lần thanh toán.

Kết luận ngoại trừ của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề này.



Nguyễn Thị Mai Hoa

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2024/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2024 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2024	01/01/2024
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		478.174.104.564	475.666.931.176
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	1.586.767.999	4.507.672.764
1. Tiền	111		1.586.767.999	4.507.672.764
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	7.125.000.000	7.500.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		7.125.000.000	7.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		71.673.588.231	69.702.569.824
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	25.771.270.193	25.838.061.288
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	31.660.306.708	31.705.158.946
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	35.266.411.354	32.878.749.614
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.6	(21.024.400.024)	(20.719.400.024)
IV. Hàng tồn kho	140	5.7	384.916.049.680	380.831.541.478
1. Hàng tồn kho	141		384.916.049.680	380.831.541.478
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.872.698.654	13.125.147.110
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	47.250.000	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		12.825.448.654	13.125.147.110
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		396.454.286.134	398.734.973.050
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		127.218.942.920	127.218.942.920
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	127.218.942.920	127.218.942.920
II. Tài sản cố định	220		3.547.860.603	4.062.369.976
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	3.547.860.603	4.062.369.976
- Nguyên giá	222		8.906.188.048	8.906.188.048
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.358.327.445)	(4.843.818.072)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	-	-
- Nguyên giá	228		41.782.000	41.782.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(41.782.000)	(41.782.000)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.11	58.844.285.967	60.212.757.733
1. Nguyên giá	231		68.423.588.321	68.423.588.321
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(9.579.302.354)	(8.210.830.588)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		59.306.371.518	57.842.177.829
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	59.306.371.518	57.842.177.829
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	139.797.563.246	140.852.749.723
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		185.287.750.000	185.287.750.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		67.882.391.454	67.882.391.454
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(113.372.578.208)	(112.317.391.731)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		7.739.261.880	8.545.974.869
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	7.739.261.880	8.545.974.869
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		874.628.390.698	874.401.904.226

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2024	01/01/2024
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		49.566.581.520	49.809.968.125
I. Nợ ngắn hạn	310		49.566.581.520	49.809.968.125
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	268.399.448	268.933.011
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	1.812.777.821	1.816.600.821
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	1.577.260.622	1.351.042.084
4. Phải trả người lao động	314		76.166.377	257.606.746
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	671.432.756	671.432.756
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	45.160.544.496	45.444.352.707
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		825.061.809.178	824.591.936.101
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.18	825.061.809.178	824.591.936.101
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		827.222.120.000	827.222.120.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		827.222.120.000	827.222.120.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(735.703.081)	(735.703.081)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		12.264.138.227	12.264.138.227
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		949.808.972	949.808.972
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(14.638.554.940)	(15.108.428.017)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(15.108.428.017)	(15.640.562.657)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		469.873.077	532.134.640
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		874.628.390.698	874.401.904.226

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu



Lê Thị Kim Anh

Kế toán trưởng



Phạm Quang Tùng

Tổng Giám đốc



Lê Công Trung

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

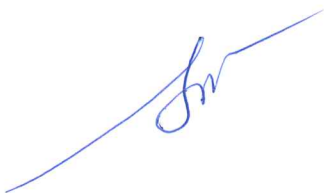
CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	5.769.288.529	5.847.004.007
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		5.769.288.529	5.847.004.007
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.394.946.482	1.408.183.838
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		4.374.342.047	4.438.820.169
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	4.032.036.129	6.761.373.978
7. Chi phí tài chính	22	6.4	1.055.186.477	3.482.283.236
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	29.400.000	271.636.364
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	6.599.611.314	6.902.357.815
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		722.180.385	543.916.732
11. Thu nhập khác	31	6.6	24.050.000	14.000.000
12. Chi phí khác	32	6.6	50.950.000	77.800.000
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	(26.900.000)	(63.800.000)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		695.280.385	480.116.732
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	225.407.308	181.475.217
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		469.873.077	298.641.515
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	5,69	3,62
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.10	2,67	3,62

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







Lê Thị Kim Anh

Phạm Quang Tùng

Lê Công Trung

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			ngày 30/6/2024	ngày 30/6/2023
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		695.280.385	480.116.732
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		1.882.981.139	1.915.835.366
- Các khoản dự phòng	03		1.360.186.477	7.127.147.915
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(138.390.781)	(83.240.718)
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		3.800.057.220	9.439.859.295
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.970.095.326)	(4.905.218.875)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(4.084.508.202)	(6.802.423.701)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(1.922.300.102)	(5.865.553.219)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		759.462.989	747.251.231
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(3.417.383.421)	(7.386.085.269)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(8.725.000.000)	(4.620.000.000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		9.100.000.000	10.760.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		132.166.156	127.949.321
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		507.166.156	6.267.949.321
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10.687.500)	(10.080.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(10.687.500)	(10.080.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)+B22	50		(2.920.904.765)	(1.128.215.948)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	4.507.672.764	2.876.771.837
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	1.586.767.999	1.748.555.889

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu

Lê Thị Kim Anh

Kế toán trưởng

Phạm Quang Tùng

Tổng Giám đốc

Lê Công Trung



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư KCN Dầu khí IDICO Long Sơn được thành lập và hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 4903000409 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 09/8/2007.

Ngày 25/7/2011 Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500811001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/7/2011.

Ngày 20/6/2019, Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn theo theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500811001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 8 ngày 20/6/2019.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500811001 thay đổi lần thứ 8 ngày 20/6/2019 là 827.222.120.000 VND. (Bằng chữ: Tám trăm hai mươi bảy tỷ, hai trăm hai mươi hai triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LONG SON PETROLEUM INDUSTRIAL ZONE INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: LONG SON PIC.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang giao dịch trên sàn UpCOM - tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: PXL.

Trụ sở chính của Công ty tại Lầu 3, Tòa nhà Khang Thông, Số 67 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2024 là 20 người (tại ngày 01/01/2024 là 23 người).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty bao gồm xây dựng công trình dân dụng; Xây dựng công trình công nghiệp; Công trình giao thông (cầu, đường, cống); Xây dựng công trình thủy lợi; Xây dựng công trình ngầm dưới đất, dưới nước; Xây dựng công trình đường ống cấp - thoát nước; Xây dựng kết cấu công trình; Xây dựng hạ tầng khu công nghiệp, khu đô thị; Trang trí nội, ngoại thất công trình; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh cơ sở hạ tầng và các dịch vụ có liên quan trong khu công nghiệp, khu đô thị; Kinh doanh dịch vụ cảng và bến cảng. Kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng thay thế; Kinh doanh vật tư, máy móc, thiết bị ngành công nghiệp, dầu khí, khai khoáng, lâm nghiệp, nông nghiệp và xây dựng.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Đầu tư kinh doanh bất động sản.

1.3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2024, Công ty có các Công ty liên kết như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Tỷ lệ góp vốn</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	Tầng 5, phòng 502, số 60 Lê Trung Nghĩa, phường 12, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh thiết bị nội, ngoại thất	20,00%	20,00%	20,00%
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	Tòa nhà 33, đường Hai Bà Trưng, phường Lê Hồng Phong, tỉnh Quảng Ngãi	Xây lắp, Đầu tư xây dựng	46,86%	46,86%	46,86%

1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc thiết bị	20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị văn phòng	03

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 03 năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, thời gian khấu hao trong 25 năm.

Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Công ty là bên góp vốn

Các khoản vốn bằng tiền và tài sản góp vào BCC được ghi nhận như một khoản công nợ phải thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

Tiền thuê văn phòng trả trước

Tiền thuê văn phòng trả trước thể hiện khoản tiền thuê đã trả cho phần diện tích Công ty đang sử dụng. Tiền thuê trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (15 năm).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả khác trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian thuê tài sản.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu bao gồm quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu dịch vụ cho thuê tài sản hoạt động và doanh thu bán điện.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được xác định và ghi nhận dựa trên sản lượng điện (xác định theo chỉ số trên công tơ điện) và giá bán điện đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Doanh thu từ tiền lãi và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của hoạt động cho thuê tài sản hoạt động và hoạt động bán điện, bao gồm chi khấu hao bất động sản đầu tư cho thuê và chi phí khấu hao tài sản cố định hữu hình.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm dự phòng tổn thất đầu tư tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho tổng số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Tổng Giám đốc cho rằng hoạt động chính của Công ty là cho thuê tài sản và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	1.345.025.711	828.522.144
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	241.742.288	3.679.150.620
Tổng	1.586.767.999	4.507.672.764

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh 3/2 (i)	3.900.000.000	3.900.000.000	7.500.000.000	7.500.000.000
Ngân hàng TMCP Tiền Phong - Chi nhánh TP HCM (i)	3.225.000.000	3.225.000.000	-	-
Tổng	7.125.000.000	7.125.000.000	7.500.000.000	7.500.000.000

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng với lãi suất từ 2,9%/năm đến 4,2%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHU CÔNG NGHIỆP DẦU KHÍ LONG SON

Lầu 3, tòa nhà Khang Thông, 67 Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

b. Đầu tư tài chính dài hạn

Đối tượng đầu tư	Tỷ lệ		30/6/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết			185.287.750.000		(46.915.186.754)	185.287.750.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	20,00%	20,00%	14.000.000.000	(ii)	(14.000.000.000)	(ii)
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn (*)	46,86%	46,86%	171.287.750.000	(ii)	(32.915.186.754)	171.287.750.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			67.882.391.454		(66.457.391.454)	67.882.391.454
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (i)	8,14%	8,14%	28.500.000.000		(27.075.000.000)	28.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc	7,33%	7,33%	11.000.000.000	(ii)	(11.000.000.000)	(ii)
Công ty Cổ phần Khách sạn Dầu khí Lam Kinh	14,94%	14,94%	28.382.391.454	(ii)	(28.382.391.454)	(ii)
Tổng			253.170.141.454		(113.372.578.208)	253.170.141.454

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư vào đơn vị khác tại ngày kết thúc kỳ kế toán được trình bày:

- (i) Công ty đã xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này trên cơ sở giá niêm yết của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ tại ngày 28/6/2024.
- (ii) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các Công ty không niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

(*) Công ty đã ký hợp đồng ủy quyền cho Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC) triển khai các công việc để thoái vốn toàn bộ phần vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn. Phương thức thoái vốn là chào bán cho dưới 100 nhà đầu tư/ Thỏa thuận trực tiếp với nhà đầu tư và giá chuyển nhượng khởi điểm là 12.415 VND/cổ phần. Đến ngày phát hành báo cáo này, các công việc thoái vốn của Công ty vẫn chưa hoàn tất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Địa ốc Khang Gia (i)	5.686.145.662	5.686.145.662
Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản An Phước Lộc (i)	2.760.144.037	2.760.144.037
Các đối tượng khác	17.324.980.494	17.391.771.589
Tổng	25.771.270.193	25.838.061.288
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu khác hàng là các bên liên quan <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>	91.000.000	91.000.000

- (i) Nợ phải thu liên quan đến hợp đồng mua bán căn hộ thuộc Chung cư Khang Gia. Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng với số tiền là 8.207.718.600 VND.

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Địa ốc Khang Gia	450.000.000	450.000.000
Công ty Cổ Phần VINA Đại Phước	30.678.197.530	30.678.197.530
Các đối tượng khác	532.109.178	576.961.416
Tổng	31.660.306.708	31.705.158.946

5.5 Phải thu khác

	30/6/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
a) Ngắn hạn	35.266.411.354	(12.037.110.325)	32.878.749.614	(7.121.991.848)
Đầu tư các dự án không hình thành cơ sở đồng kiểm soát	14.585.883.539	(6.585.883.539)	14.585.883.539	(1.975.765.062)
<i>Phải thu Công ty TNHH Nam Long - Dự án khu dân cư Nam Long (i)</i>	6.585.883.539	(6.585.883.539)	6.585.883.539	(1.975.765.062)
<i>Phải thu Công ty TNHH Siêu Thành - Dự án chung cư Nam An (ii)</i>	8.000.000.000	-	8.000.000.000	-
Phải thu lợi nhuận hợp tác đầu tư được chia	2.210.534.245	(2.210.534.245)	2.210.534.245	(2.210.534.245)
Công ty Cổ phần Nội ngoại thất Dầu Khí (PVC - Metal)	987.000.000	(987.000.000)	987.000.000	(987.000.000)
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc (v)	1.223.534.245	(1.223.534.245)	1.223.534.245	(1.223.534.245)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
KHU CÔNG NGHIỆP DẦU KHÍ LONG SON**

Lầu 3, tòa nhà Khang Thông, 67 Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.5 Phải thu khác (Tiếp theo)

	30/6/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	104.790.652	-	98.566.027	-
Phải thu tiền lãi hợp tác đầu tư của Công ty TNHH Siêu Thành (ii)	2.795.692.541	(2.795.692.541)	2.795.692.541	(2.795.692.541)
Phải thu phí bảo trì các căn hộ chung cư Tạm ứng	144.790.652	-	144.790.652	-
Phải thu Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (Petrocons)(iv)	6.589.668.320	-	6.589.668.320	-
Phải thu khác	8.605.600.785	(445.000.000)	6.335.488.530	(140.000.000)
b) Dài hạn	127.218.942.920	-	127.218.942.920	-
Phải thu Công ty Cổ phần Vạn Khởi Thành (iii)	42.825.000.000	-	42.825.000.000	-
Phải thu PVNC tiền chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Xi măng Sông Lam 2 (iv)	69.393.942.920	-	69.393.942.920	-
Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc (v)	15.000.000.000	-	15.000.000.000	-
Tổng	162.485.354.274	(12.037.110.325)	160.097.692.534	(7.121.991.848)
<i>Trong đó:</i>				
Phải thu khác là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)	17.210.534.245	(2.210.534.245)	17.210.534.245	(2.210.534.245)

(i) Nợ phải thu liên quan đến Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2010/HĐHTKD/NL-PIVLS ngày 25/10/2010 với Công ty TNHH Nam Long về việc góp vốn đầu tư vào dự án Khu dân cư Nam Long tại xã Long Hòa, huyện Cần Đước, tỉnh Long An. Theo quy định của Hợp đồng hợp tác đầu tư, Công ty giao cho Công ty TNHH Nam Long thực hiện toàn bộ công tác đầu tư, xây dựng dự án theo đúng quy hoạch và thiết kế được phê duyệt, tuân thủ các quy định của pháp luật và nhận lại diện tích đất nền thương phẩm với hạ tầng kỹ thuật hoàn chỉnh và mẫu thiết kế các loại nhà ở.

Đến ngày 30/6/2024, dự án trên đã ngừng triển khai, Công ty đang tiếp tục theo dõi diễn biến để thu hồi và quản lý nợ theo quy định.

(ii) Nợ phải thu liên quan đến Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 07/2017/ST-DK.IDICO ngày 04/5/2017 với Công ty TNHH Siêu Thành về việc góp vốn đầu tư vào dự án Chung cư Nam An tại phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Tổng số tiền Công ty đã góp vốn vào dự án là 8.000.000.000 VND. Thời hạn góp vốn là 03 năm. Phân chia lợi nhuận cố định 13%/năm. Đến nay, Hợp đồng hợp tác kinh doanh đã hết thời hạn, nhưng Công ty TNHH Siêu Thành vẫn chưa hoàn trả lại tiền góp vốn đầu tư và lợi nhuận hợp tác đầu tư theo quy định của hợp đồng hợp tác đầu tư.

Ngày 24/3/2021, Công ty đã khởi kiện Công ty TNHH Siêu Thành tại Tòa án Nhân dân thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh. Đến ngày 30/6/2024, Công ty đang tiếp tục theo dõi diễn biến để thu hồi và quản lý nợ theo quy định.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
KHU CÔNG NGHIỆP DẦU KHÍ LONG SON**

Lầu 3, tòa nhà Khang Thông, 67 Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.5 Phải thu khác (Tiếp theo)

(iii) Thể hiện khoản vốn góp đầu tư của Công ty vào Dự án Khu nhà ở thương mại Trương Bình Hiệp tại xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 174/2010/HĐHTĐT ngày 28/9/2010 giữa ba bên gồm Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Hồng (Nay là Công ty Cổ phần Vạn Khởi Thành “VKT”), Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (“Petroland”). Tỷ lệ góp vốn của các bên lần lượt là 40%; 30%; 30%, các bên thỏa thuận phương thức hợp tác là cùng góp vốn, cùng hợp tác thực hiện và cùng phân chia lợi nhuận, rủi ro theo tỷ lệ góp vốn mà không thành lập pháp nhân. Tổng số vốn đã góp của Công ty là 48.825.000.000 VND.

Theo Biên bản thỏa thuận ngày 29/3/2019 giữa Công ty, VKT và Petroland về việc VKT hoàn trả lại cho Công ty phần vốn góp vào dự án. Đến ngày 30/6/2024, VKT đã thực hoàn trả tiền góp vốn cho Công ty với số tiền là 6.000.000.000 VND, số tiền góp vốn còn lại là 42.825.000.000 VND chưa hoàn trả, VKT xin giãn thời hạn thanh toán do gặp khó khăn về tài chính.

Ngày 13/4/2020, Công ty đã có công văn số 99/CV-TGD gửi VKT thông báo về việc do VKT đã nhiều lần không thực hiện theo cam kết đã thống nhất trong Biên bản thỏa thuận giữa 2 bên về việc hoàn lại phần vốn góp của Công ty. Theo đó, Công ty đã đơn phương chấm dứt Biên bản thỏa thuận hoàn lại phần vốn góp. Theo các điều khoản đã thỏa thuận, Công ty sẽ không hoàn trả lại số tiền đặt cọc của VKT và phần vốn góp của Công ty sẽ giữ nguyên giá trị ban đầu, Công ty sẽ tìm đối tác khác có đủ năng lực tài chính để chuyển nhượng phần vốn góp tại Dự án. Đến ngày 30/6/2024, Công ty đang tiếp tục theo dõi diễn biến để thu hồi và quản lý nợ theo quy định.

(iv) Nợ phải thu liên quan đến liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Xi măng Dầu Khí 12.9 (nay là Công ty Cổ phần Xi măng Sông Lam 2) theo hợp đồng số 29/HĐCN/PIVLS-PVNC ký ngày 19/4/2010 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu Khí Nghệ An (“PVNC”) với tổng giá trị vốn góp là 104.920.000.000 VND (tương ứng với số lượng cổ phần là 10.000.000 cổ phần).

Ngày 04/3/2015, PVNC đã thực hiện ký kết hợp đồng chuyển nhượng số 28/HĐ-PVNC-VISSAI với Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Phát Vissai (“VISSAI”) về việc chuyển nhượng số lượng cổ phần nói trên với giá trị là 9.219 VND/cổ phần (giá trị chuyển nhượng 92.190.000.000 VND). Phần chênh lệch giữa giá trị chuyển nhượng ký hợp đồng với VISSAI so với số tiền vốn góp ban đầu là 12.730.000.000 VND, PVNC có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty. Đối với số tiền 92.190.000.000 VND thuộc nghĩa vụ của VISSAI, theo Nghị quyết số 139/NQ-XLDK ngày 30/3/2015 của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (“Petrocons”) về việc thông qua các vấn đề liên quan đến việc chuyển nhượng phần vốn góp tại PVNC của Petrocons và Công ty. Khoản công nợ này sẽ được thu hồi trong vòng 15 năm, số tiền phải thanh toán một kỳ là 512.158.079 VND, không tính lãi và giải ngân trực tiếp vào tài khoản của Petrocons để Công ty thu hồi công nợ theo từng lần thanh toán khi VISSAI thanh toán tiền mua cổ phần nói trên.

Căn cứ Biên bản thỏa thuận ngày 24/7/2017 giữa Công ty và Petrocons, số tiền nhận được từ chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Xi măng Sông Lam 2 sẽ được bù trừ với số tiền lãi phát sinh phải trả đến ngày 26/9/2011 theo hợp đồng vay vốn từ nguồn ủy thác của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương thông qua Petrocons.

Tại ngày 30/6/2024, số dư phải thu từ VISSAI thông qua Petrocons là 63.253.611.240 VND, số dư phải thu trực tiếp từ Petrocons là 6.589.668.320 VND, nợ phải thu đã đến hạn thu là 69.579.546.769 VND. Công ty đang tiếp tục theo dõi diễn biến để thu hồi và quản lý nợ theo quy định.

(v) Thể hiện khoản vốn góp theo tiến độ của Công ty theo hợp đồng hợp tác kinh doanh các sản phẩm và dịch vụ của dự án Khách sạn Dầu khí Kinh Bắc số 56/2010/HĐ/PVC.KBC-PIVLS ngày 04/12/2010 với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc (“PVC-KBC”). Thời hạn góp vốn là 03 năm. Việc quản lý, tổ chức kế toán và nghĩa vụ tài chính được thực hiện bởi Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc. Phân chia lợi nhuận cố định hằng năm. Đến ngày 30/6/2024, dự án trên đã ngừng triển khai, Công ty đang tiếp tục theo dõi diễn biến để thu hồi và quản lý nợ theo quy định.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
KHU CÔNG NGHIỆP DẦU KHÍ LONG SON**

Lầu 3, tòa nhà Khang Thông, 67 Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.5 Phải thu khác (Tiếp theo)

Tại ngày 30/6/2024, Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi của các khoản nợ phải thu tiền góp vốn vào dự án Chung cư Nam An của Công ty TNHH Siêu Thành với số tiền 8.000.000.000 VND, phải thu từ chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Xi măng Dầu khí Nghệ An với số tiền 69.579.546.769 VND và phải thu tiền góp vốn vào dự án Khách sạn Dầu khí Kinh Bắc của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc với số tiền 15.000.000.000 VND. Theo đó, tổng giá trị nợ phải thu chưa đánh giá khả năng thu hồi là 92.579.546.769 VND. (Tại ngày 01/01/2024 là 89.506.598.295 VND).

5.6 Nợ xấu

	30/6/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	21.024.400.024	-	20.957.971.123	238.571.099
<i>Trong đó:</i>				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc				1.223.534.245
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí (PVC-Metal)				987.000.000
Ông Trần Mạnh Dũng				95.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí				91.000.000
Công ty TNHH Nam Long				6.585.883.539
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Địa ốc Khang Gia				5.686.145.662
Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản An Phước Lộc				2.760.144.037
Các đối tượng còn lại				3.595.692.541
Tổng				21.024.400.024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.7 Hàng tồn kho

	30/6/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	373.208.930.735	-	369.124.422.533	-
Hàng hóa bất động sản	11.707.118.945	-	11.707.118.945	-
Tổng	384.916.049.680	-	380.831.541.478	-

(i) Đến ngày 30/6/2024, Dự án chung cư Huỳnh Tấn Phát đã hoàn thành công tác thi công, nghiệm thu hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng. Đây là hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát giữa Công ty với Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Dịch vụ Khang Thông, Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và dân dụng Dầu khí (“PVC-IC”), trong đó Công ty là nhà điều hành. Hiện nay, Công ty đang yêu cầu Công ty Cổ phần Tập đoàn Khang Thông (Chủ đầu tư) khẩn trương thực hiện các thủ tục đóng tiền sử dụng đất và thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước để hoàn thành chuyển đổi mục đích sử dụng đất dự án làm cơ sở cấp Giấy chủ quyền cho 180 căn hộ và hơn 5.000 m² sàn trung tâm thương mại.

Trong kỳ, Công ty đã vốn hóa chi phí lãi vay vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của dự án tương ứng với tiền lãi phát sinh từ số dư vốn mà Công ty đã ứng cho hợp doanh căn cứ theo biên bản họp họp doanh ngày 27/12/2019 về việc Công ty được tiếp tục được tính và hưởng chi phí sử dụng vốn tương ứng với số dư vốn mà Công ty đã ứng cho hợp doanh kể từ ngày 01/01/2020.

5.8 Chi phí trả trước

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	47.250.000	-
Chi phí chờ phân bổ khác	47.250.000	-
b) Dài hạn	7.739.261.880	8.545.974.869
Chi phí trả trước tiền thuê văn phòng (i)	7.726.478.019	8.428.885.113
Chi phí chờ phân bổ khác	12.783.861	117.089.756
Tổng	7.786.511.880	8.545.974.869

(i) Chi phí trả trước là chi phí tiền thuê văn phòng đã trả trước cho 15 năm để thuê Lầu 3, Tòa nhà Khang Thông tại địa chỉ số 67 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Tiền thuê trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê. Thời hạn thuê đến năm 2030.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHU CÔNG NGHIỆP DẦU KHÍ LONG SƠN
 Lầu 3, tòa nhà Khang Thông, 67 Nguyễn Thị Minh Khai,
 phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.9 Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng	Đơn vị tính: VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2024	1.588.482.957	7.109.755.455	207.949.636	8.906.188.048	
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	
Số dư tại ngày 30/6/2024	1.588.482.957	7.109.755.455	207.949.636	8.906.188.048	
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2024	317.696.592	4.335.972.735	190.148.745	4.843.818.072	
Tăng trong kỳ	39.712.074	468.514.633	6.282.666	514.509.373	
Khấu hao trong kỳ	39.712.074	468.514.633	6.282.666	514.509.373	
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	
Số dư tại ngày 30/6/2024	357.408.666	4.804.487.368	196.431.411	5.358.327.445	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2024	1.270.786.365	2.773.782.720	17.800.891	4.062.369.976	
Tại ngày 30/6/2024	1.231.074.291	2.305.268.087	11.518.225	3.547.860.603	

Trong đó:

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2024 là 2.446.335.455 VND. (tại ngày 01/01/2024 là 1.460.708.182 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.10 Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm máy tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2024	41.782.000	41.782.000
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2024	<u>41.782.000</u>	<u>41.782.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2024	41.782.000	41.782.000
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2024	<u>41.782.000</u>	<u>41.782.000</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2024	-	-
Tại ngày 30/6/2024	<u>-</u>	<u>-</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 30/6/2024 là 41.782.000 VND (tại ngày 01/01/2024 là 41.782.000 VND).

5.11 Tăng, giảm Bất động sản đầu tư

	01/01/2024 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	30/6/2024 VND
Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	68.423.588.321	-	-	68.423.588.321
Nhà cửa, vật kiến trúc				
Sàn thương mại chung cư Huỳnh Tấn Phát (6 tầng)	68.423.588.321	-	-	68.423.588.321
Giá trị hao mòn lũy kế	8.210.830.588	1.368.471.766	-	9.579.302.354
Nhà cửa, vật kiến trúc				
Sàn thương mại chung cư Huỳnh Tấn Phát (6 tầng)	8.210.830.588	1.368.471.766	-	9.579.302.354
Giá trị còn lại	60.212.757.733	(1.368.471.766)	-	58.844.285.967
Nhà cửa, vật kiến trúc				
Sàn thương mại chung cư Huỳnh Tấn Phát (6 tầng)	60.212.757.733	(1.368.471.766)	-	58.844.285.967

Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty là sàn trung tâm thương mại tại số 1351 Huỳnh Tấn Phát, phường Phú Mỹ, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh được Công ty sử dụng để cho thuê hoạt động.

Doanh thu và giá vốn liên quan đến Bất động sản đầu tư cho thuê trong kỳ lần lượt là 4.022.796.000 VND và 1.368.471.764 VND.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 30/6/2024 cần được trình bày. Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do Công ty không có đủ thông tin để xác định được giá trị hợp lý và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
Dự án 65 ha Chí Linh - Cửa Lấp (i)	12.270.210.405	12.270.210.405
Dự án Khu Công nghiệp Dầu khí Long Sơn	47.036.161.113	45.571.967.424
Tổng	59.306.371.518	57.842.177.829

(i) Tại ngày 30/6/2024, dự án đã thực hiện xong các công tác trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư: Lập dự án, rà phá bom mìn và vật nổ, khảo sát lập quy hoạch 1/500 và khảo sát địa chất phục vụ thiết kế bản vẽ thi công. Công ty đã ký văn bản thỏa thuận và tạm ứng kinh phí cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Vũng Tàu để triển khai lập phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư làm cơ sở để triển khai công tác đền bù giải phóng mặt bằng. Hiện nay, Tổng Giám đốc Công ty đang tập trung làm việc với các Sở ban ngành và một số đối tác có nguyện vọng hợp tác đầu tư vào dự án để thực hiện thủ tục xin gia hạn giấy chứng nhận đầu tư.

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/6/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Các đối tượng khác	268.399.448	268.399.448	268.933.011	268.933.011
Tổng	268.399.448	268.399.448	268.933.011	268.933.011

5.14 Người mua trả tiền trước

	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
Ông Nguyễn Việt Anh	1.500.000.000	1.500.000.000
Các đối tượng khác	312.777.821	316.600.821
Tổng	1.812.777.821	1.816.600.821

5.15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	01/01/2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/6/2024
Phải nộp	1.351.042.084	454.960.484	228.741.946	1.577.260.622
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.324.101.571	225.407.308	-	1.549.508.879
Thuế thu nhập cá nhân	18.404.866	226.553.176	225.741.946	19.216.096
Các loại thuế khác	8.535.647	3.000.000	3.000.000	8.535.647

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chi phí phải trả khác	671.432.756	671.432.756
Tổng	671.432.756	671.432.756

5.17 Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	15.807.204	32.632.092
Bảo hiểm xã hội	2.057.031	2.057.031
Bảo hiểm y tế	1.779.224	1.779.224
Bảo hiểm thất nghiệp	217.843	217.843
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	9.756.156.537	9.766.844.037
Phải trả hợp đồng dự án Chung cư Huỳnh Tấn Phát (i)	28.106.300.000	28.106.300.000
- Giá trị góp vốn (tiền đất) vào dự án còn phải trả Công ty Cổ phần Tập đoàn Khang Thông	8.760.500.000	8.760.500.000
- Giá trị góp vốn 5% vốn góp (tiền đất) của Công ty Cổ phần Tập đoàn Khang Thông	6.448.600.000	6.448.600.000
- Giá trị góp vốn 10% vốn góp (tiền đất) của Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	12.897.200.000	12.897.200.000
Phải trả về tiền phí bảo trì các căn hộ của dự án chung cư Huỳnh Tấn Phát	-	245.994.636
Nhận đặt cọc từ cho thuê căn hộ, sàn thương mại	7.056.734.380	7.066.634.380
Các khoản phải trả khác	221.492.277	221.893.464
Tổng	45.160.544.496	45.444.352.707

(i) Nợ phải trả liên quan đến Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 20/2010/BCC/KT-PIVLS-PETROLAND-PVFC LAND ngày 08/6/2010 và các phụ lục hợp đồng với Công ty Cổ phần Khang Thông và Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí về việc hợp tác kinh doanh dự án Chung cư Huỳnh Tấn Phát. Đây là hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát. Công ty là đại diện chủ đầu tư, đồng thời là nhà điều hành dự án. Phân chia lợi nhuận/chịu lỗ sau khi xác định được kết quả kinh doanh của cả dự án.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHU CÔNG NGHIỆP DẦU KHÍ LONG SON
 Lầu 3, tòa nhà Khang Thông, 67 Nguyễn Thị Minh Khai,
 phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.18 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2023	827.222.120.000	(735.703.081)	12.264.138.227	949.808.972	(15.640.562.657)	824.059.801.461
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	532.134.640	532.134.640
Số dư tại ngày 31/12/2023	827.222.120.000	(735.703.081)	12.264.138.227	949.808.972	(15.108.428.017)	824.591.936.101
Số dư tại 01/01/2024	827.222.120.000	(735.703.081)	12.264.138.227	949.808.972	(15.108.428.017)	824.591.936.101
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	469.873.077	469.873.077
Số dư tại ngày 30/6/2024	827.222.120.000	(735.703.081)	12.264.138.227	949.808.972	(14.638.554.940)	825.061.809.178

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đối tượng	Tại ngày 30/6/2024			Tại ngày 01/01/2024		
	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)
Công ty Cổ phần Hạ tầng Gelex	25,47%	21.071.305	210.713.050.000	25,47%	21.071.305	210.713.050.000
Tổng Công ty IDICO - CTCP	8,54%	7.064.103	70.641.030.000	8,54%	7.064.103	70.641.030.000
Các đối tượng khác	65,99%	54.586.804	545.868.040.000	65,99%	54.586.804	545.868.040.000
Tổng	100%	82.722.212	827.222.120.000	100%	82.722.212	827.222.120.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	827.222.120.000	827.222.120.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày 30 tháng 6	827.222.120.000	827.222.120.000

d. Cổ phiếu

	30/6/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	82.722.212	82.722.212
Cổ phiếu phổ thông	82.722.212	82.722.212
Số lượng cổ phiếu được mua lại	147.800	147.800
Cổ phiếu phổ thông	147.800	147.800
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	82.574.412	82.574.412
Cổ phiếu phổ thông	82.574.412	82.574.412
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

e. Các quỹ của Công ty

	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
Quỹ đầu tư phát triển	12.264.138.227	12.264.138.227
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	949.808.972	949.808.972
Tổng	13.213.947.199	13.213.947.199

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.639.841.388	5.765.836.911
Doanh thu bán điện	129.447.141	81.167.096
Tổng	5.769.288.529	5.847.004.007

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

6.2 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.368.471.766	1.368.471.764
Giá vốn bán điện	26.474.716	39.712.074
Tổng	1.394.946.482	1.408.183.838

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Lãi tiền gửi	138.390.781	83.240.718
Lãi tiền ứng vốn cho hợp doanh - Dự án Chung cư Huỳnh Tấn Phát (i)	3.893.645.348	6.678.133.260
Tổng	4.032.036.129	6.761.373.978

(i) Tiền lãi phát sinh từ số dư vốn đã ứng cho hợp doanh theo hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát là dự án chung cư Huỳnh Tấn Phát giữa Công ty với Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Dịch vụ Khang Thông, Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và dân dụng Dầu khí ("PVC-IC"). Hiện nay, Dự án chung cư Huỳnh Tấn Phát đã hoàn thành công tác thi công, được nghiệm thu hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng. Theo biên bản hợp hợp doanh ngày 27/12/2019, các bên hợp doanh đã thống nhất việc Công ty được tiếp tục được tính và hưởng chi phí sử dụng vốn tương ứng với số dư vốn mà Công ty đã ứng cho hợp doanh kể từ ngày 01/01/2020.

6.4 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng tổn thất đầu tư	1.055.186.477	3.482.283.236
Tổng	1.055.186.477	3.482.283.236

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

6.5 Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Chi phí bán hàng	29.400.000	271.636.364
Chi phí nhân viên	15.400.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.000.000	-
Chi phí bằng tiền khác	-	271.636.364
Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.599.611.314	6.902.357.815
Chi phí nhân viên quản lý	2.632.083.408	1.306.852.120
Chi phí vật liệu quản lý	-	17.023.818
Chi phí đồ dùng văn phòng	61.782.005	8.048.544
Chi phí khấu hao tài sản cố định	474.797.299	152.295.458
Thuế phí và lệ phí	20.999.738	17.771.830
Chi phí dự phòng	305.000.000	3.644.864.679
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.365.819.976	490.277.537
Chi phí bằng tiền khác	1.739.128.888	1.265.223.829
Tổng	6.629.011.314	7.173.994.179

6.6 Lợi nhuận khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Thu nhập khác		
Thu từ phạt vi phạm hợp đồng	24.050.000	14.000.000
Tổng	24.050.000	14.000.000
Chi phí khác		
Các khoản khác	50.950.000	77.800.000
Tổng	50.950.000	77.800.000
Lợi nhuận khác	(26.900.000)	(63.800.000)

6.7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	61.782.005	25.072.362
Chi phí nhân công	2.647.483.408	1.306.852.120
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.882.981.139	1.915.835.366
Chi phí dự phòng	305.000.000	3.644.864.679
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.379.819.976	490.277.537
Chi phí khác bằng tiền	1.760.128.626	1.554.632.023
Tổng	8.037.195.154	8.937.534.087

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	695.280.385	480.116.732
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:	431.756.156	408.606.155
Chi phí không được trừ	431.756.156	408.606.155
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:	-	-
Thu nhập chịu thuế	1.127.036.541	888.722.887
Chuyển lỗ của các năm trước	-	-
Thu nhập tính thuế	1.127.036.541	888.722.887
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	225.407.308	177.744.577
Điều chỉnh thuế TNDN các năm trước	-	3.730.640
Tổng chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	225.407.308	181.475.217

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	469.873.077	298.641.515
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	469.873.077	298.641.515
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	82.574.412	82.574.412
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	5,69	3,62

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban Quản lý điều hành. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban Quản lý điều hành cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

6.10 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND (Trình bày lại)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	469.873.077	298.641.515
Các khoản điều chỉnh		
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	82.574.412	82.574.412
Số cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành bổ sung (i)	93.423.288	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2,67	3,62

(i) Theo Nghị quyết số 33/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/4/2024 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 về việc không tiếp tục thực hiện Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ đã được thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 và Nghị quyết số 33/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/4/2024 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 về việc thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ. Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán là 93.423.288 cổ phiếu. Thời gian dự kiến thực hiện trong năm 2024-2025, thời gian cụ thể Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định.

Trình bày lại Lãi suy giảm trên cổ phiếu cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

Theo Nghị quyết số 32/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/6/2022 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 đã thông qua chủ trương phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ. Trong năm 2023, Công ty chưa được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận phương án tăng vốn điều lệ, do đó chỉ tiêu lãi suy giảm trên cổ phiếu cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 được trình bày lại như sau:

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND Trình bày lại	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND (Số đã trình bày)	Chênh lệch
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	298.641.515	298.641.515	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	298.641.515	298.641.515	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	82.574.412	82.574.412	-
Số cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành bổ sung (cổ phiếu)	-	93.423.288	(93.423.288)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	3,62	1,7	1,92

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Các khoản cam kết

Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày 30/6/2024, Công ty có cam kết thuê hoạt động không hủy ngang là hợp đồng thuê văn phòng làm việc, thời gian thuê là 15 năm kể từ ngày 15/05/2010, tiền thuê được trả trước một lần cho toàn bộ thời gian thuê.

Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê sàn trung tâm thương mại tại dự án Chung cư Huỳnh Tấn Phát theo hợp đồng cho thuê hoạt động với Công ty TNHH JVA Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty TNHH Power P.T.P, Công ty TNHH Global Liaison và Công ty TNHH Dragon Golf Land, theo đó, giá cho thuê hoạt động được thỏa thuận hàng năm.

7.2 Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Hạ tầng Gelex	Cổ đông lớn
Tổng công ty IDICO - CTCP	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	Công ty liên kết
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc

Lương, thù lao và các khoản lợi ích khác của Hội đồng Quản trị

<u>Bên liên quan</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND</u>	<u>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND</u>
Ông Lê Bá Thọ	Chủ tịch	313.367.046	352.157.954
Ông Nguyễn Hồng Hải	Thành viên	47.333.336	48.333.336
Ông Lê Công Trung	Thành viên	33.333.336	33.333.336
Ông Bùi Lê Cao Kế	Thành viên	47.333.336	48.333.336
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên	47.333.336	48.333.336
Tổng		488.700.390	530.491.298

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Thù lao của thành viên Ban Kiểm soát

Bên liên quan	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		ngày 30/6/2024	ngày 30/6/2023
		VND	VND
Ông Lê Anh Đức	Trưởng Ban kiểm soát	42.333.336	833.333
Ông Lê Huy	Thành viên Ban kiểm soát	17.000.002	46.333.336
Bà Phạm Thị Huyền Anh	Thành viên Ban kiểm soát	10.000.002	10.000.002
Bà Đặng Thị Thúy Kiều	Nguyên Thành viên Ban kiểm soát	-	15.166.668
Tổng		69.333.340	72.333.339

Tiền lương và các lợi ích khác của Tổng Giám đốc

Bên liên quan	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		ngày 30/6/2024	ngày 30/6/2023
		VND	VND
Ông Lê Công Trung	Tổng Giám đốc	370.925.001	420.625.002
Tổng		370.925.001	420.625.002

b. Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất số dư	30/6/2024	01/01/2024
			VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			91.000.000	91.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	Công ty liên kết	Phải thu khách hàng	91.000.000	91.000.000
Phải thu khác ngắn hạn			17.210.534.245	17.210.534.245
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	Công ty liên kết	Cổ tức	987.000.000	987.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc	Công ty đầu tư khác	Cổ tức Tiền góp vốn hợp tác	1.223.534.245 15.000.000.000	1.223.534.245 15.000.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
KHU CÔNG NGHIỆP DẦU KHÍ LONG SƠN**
Lầu 3, tòa nhà Khang Thông, 67 Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2024

Người lập



Lê Thị Kim Anh

Kế toán trưởng



Phạm Quang Tùng

Tổng Giám đốc



Lê Công Trung

